TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/DS-ST
Ngày: 08-01-2026
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Đình Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, là Thư ký Tòa án nhân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai G - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phùng Văn Y, sinh năm 1974; cư trú tại: tổ D, ấp I, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1978; cư trú tại: tổ B, ấp I, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đàm Thị H1, sinh năm 1975; cư trú tại: tổ D, ấp I, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vợ chồng ông Phùng Văn Y, bà Đàm Thị H1 và bà Đinh Thị H là hàng xóm láng giềng thân quen từ năm 2001 đến nay. Trước đây, ông Y đã cho bà H vay tiền nhiều lần để làm ăn, bà H đều trả nợ đầy đủ.

Theo Hợp đồng vay tiền ngày 18 tháng 8 năm 2023 có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lăn tay của bên cho vay là ông Y và bên vay là bà H, tổng số tiền vay là 800.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng. Số tiền ông Y cho bà H vay là tài sản chung của vợ chồng ông Y. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 15 tháng 7 năm 2025 ông Y khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ.

Quá trình tố tụng, ông Y cung cấp cho Tòa án các giấy nợ sau: (1) Giấy mượn tiền ngày 18 tháng 12 năm 2020. (2) Hợp đồng vay tiền ngày 18 tháng 11 năm 2021 (mặt trước tờ giấy A4), mặt sau là Biên nhận ngày 18 tháng 01 năm 2022. (3) Hợp đồng vay tiền ngày 18 tháng 8 năm 2023.

Tại Đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2025, Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phùng Văn Y trình bày:

Quá trình ông Y cho bà H vay tiền như sau:

(1) Ngày 18 tháng 12 năm 2020, ông Y cho bà H vay 200.000.000 đồng để bà H mua đất, giao tiền mặt tại nhà ông Y. Hai bên lập Giấy mượn tiền ngày 18 tháng 12 năm 2020 do bà H viết, thỏa thuận thời hạn vay 06 tháng (từ ngày 18 tháng 12 năm 2020 đến hết ngày 18 tháng 6 năm 2021). Về lãi suất, hai bên thỏa thuận miệng 02%/tháng, tương đương 4.000.000 đồng/tháng. Bà H đã trả cho ông Y 06 tháng tiền lãi bằng tiền mặt là 24.000.000 đồng. Hết thời hạn vay, bà H xin ông Y gia hạn thời gian trả nợ.

(2) Ngày 18 tháng 11 năm 2021, bà H hỏi ông Y vay thêm 150.000.000 đồng để xây dựng nhà ở; ông Y đồng ý và giao tiền mặt tại nhà ông Y. Tổng số tiền bà H vay là 200.000.000 đồng + 150.000.000 đồng = 350.000.000 đồng. Hai bên lập Hợp đồng vay tiền ngày 18 tháng 11 năm 2021 (đánh máy trên giấy A4), thời hạn vay 06 tháng, kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2021 đến hết ngày 18 tháng 5 năm 2022 (bà H có thể trả trước thời hạn). Bà H đề xuất miệng với ông Y mức lãi suất 2,5%/tháng, tương đương 8.750.000 đồng/tháng, do thời gian lâu nên ông Y không nhớ rõ việc trả lãi. Hết thời hạn vay, bà H xin ông Y gia hạn trả nợ; do quen biết thâm tình nên ông Y không đòi nợ bà H.

(3) Ngày 18 tháng 01 năm 2022, bà H hỏi ông Y vay thêm 150.000.000 đồng, do thời gian lâu nên ông Y không nhớ rõ vay để làm gì. Ông Y đồng ý cho bà H vay thêm 150.000.000 đồng, giao tiền mặt tại nhà ông Y. Tổng số tiền bà H vay là 350.000.000 đồng + 150.000.000 đồng = 500.000.000 đồng. Hai bên lập Biên nhận ngày 18 tháng 01 năm 2022 (đánh máy vào mặt sau của Hợp đồng vay tiền ngày 18 tháng 11 năm 2021); đồng thời bà H viết xác nhận tổng số nợ là 500.000.000 đồng; thời hạn vay ông Y không nhớ rõ. Bà H đề xuất miệng với ông Y mức lãi suất 2,5%/tháng, tương đương 12.500.000 đồng/tháng, do thời gian lâu nên ông Y không nhớ rõ việc trả lãi.

(4) Ngày 18 tháng 8 năm 2023, bà H hỏi ông Y vay thêm 300.000.000 đồng để xây nhà ở. Ông Y đồng ý cho bà H vay thêm 300.000.000 đồng, giao tiền mặt tại nhà ông Y. Tổng số tiền bà H vay là 500.000.000 đồng + 300.000.000 đồng = 800.000.000 đồng. Hai bên lập Hợp đồng vay tiền ngày 18

tháng 8 năm 2023 viết tay với nội dung như trên, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2023 đến ngày 18 tháng 02 năm 2024 nhưng viết nhầm là ngày 18 tháng 4 năm 2024 (bà H có thể trả trước thời hạn). Bà H đề xuất miệng với ông Y mức lãi suất 2,5%/tháng, tương đương 20.000.000 đồng/tháng. Từ ngày 18 tháng 8 năm 2023 đến nay, bà H không trả tiền lãi cho ông Y. Hết thời hạn vay, bà H không trả nợ gốc dù ông Y nhiều lần yêu cầu.

Theo đơn khởi kiện ban đầu, ông Y yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán cho ông Y tổng số tiền 1.106.666.667 đồng, gồm: (1) tiền gốc là 800.000.000 đồng; (2) tiền lãi tạm tính từ ngày 18 tháng 8 năm 2023 đến ngày 18 tháng 7 năm 2025 là 306.666.667 đồng.

Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22 tháng 10 năm 2025: ông Y thừa nhận đã nhận của bà H tiền lãi 06 tháng của khoản vay 200.000.000 đồng là 24.000.000 đồng; số tiền lãi ông Y nhận vượt quá quy định là 24.000.000 đồng – 20.040.000 đồng = 3.960.000 đồng, ông Y đồng ý trừ vào tiền nợ gốc nên bà H còn nợ ông Y là 796.040.000 đồng. Ông Y yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán cho ông Y tổng số tiền 1.101.188.667 đồng, gồm: (1) tiền gốc là 796.040.000 đồng; (2) tiền lãi tính từ ngày 18 tháng 8 năm 2023 đến thời điểm xét xử, tạm tính đến ngày 18 tháng 7 năm 2025 (thời điểm khởi kiện) là 01 năm 11 tháng, lãi suất 20%/năm là 305.148.667 đồng.

Theo Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2025, ông Y đã rút lại yêu cầu đối với số tiền chênh lệnh so với yêu cầu khởi kiện ban đầu là 1.106.666.667 đồng - 1.101.188.667 đồng = 5.478.000 đồng.

Tại phiên tòa: ông Y xác định lại số tiền lãi 06 tháng của khoản vay 200.000.000 đồng theo quy định là 19.992.000 đồng (1,666%/tháng, tương đương 3.332.000 đồng/tháng); số tiền lãi ông Y nhận vượt là 24.000.000 đồng – 19.992.000 đồng = 4.008.000 đồng, ông Y đồng ý trừ vào tiền nợ gốc nên bà H còn nợ ông Y là 795.992.000 đồng (giảm 796.040.000 đồng - 795.992.000 đồng = 48.000 đồng). Ông Y tiếp tục rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 48.000 đồng và toàn bộ tiền lãi, chỉ yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán cho ông Y số tiền nợ gốc là 795.992.000 đồng.

Tại Phản hồi thông báo ngày 11 tháng 11 năm 2025, bị đơn bà Đinh Thị H trình bày:

Bà H có vay tiền của ông Y: Lần 01 là 200.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng. Lần 02 là 300.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng. Lần 03 là 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, thời gian từ tháng 10 năm 2022. Tổng tiền lãi bà H đã đóng cho ông Y là 262.570.000 đồng qua tài khoản và có những tháng đóng tiền mặt bà H không nhớ rõ; bà H đã đóng tiền lãi đầy đủ từ thời điểm vay đến tháng 8 năm 2023. Bổ sung 30.000.000 đồng của chị L chuyển qua tháng 8 năm 2023, tổng số tiền là H nợ ông Y là 630.000.000 đồng.

Bà H còn vay của bà H1 vợ ông Y 40.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/ngày/triệu. Bà H đã đóng tiền lãi 38.000.000 đồng qua tài khoản và có đóng lãi bằng tiền mặt bà H không nhớ rõ số tiền cụ thể.

Tổng số tiền bà H nợ ông Y và bà H1 là 670.000.000 đồng. Bà H xin ông Y và bà H1 số tiền lãi đã đóng. Hiện bà H rất khó khăn chưa có khả năng trả nợ, xin ông Y và bà H1 cho bà H có thời gian bán đất để trả nợ.

Tại Bản tự khai ngày 29 tháng 10 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên bà Đàm Thị H1 trình bày: bà là vợ ông Y. Số tiền 800.000.000 đồng ông Y cho bà H vay là tài sản chung của vợ chồng bà. Bà H1 có biết ông Y cho bà H vay tiền. Bà H1 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Y. Bà H1 không yêu cầu độc lập trong vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 4.008.000 đồng và toàn bộ tiền lãi, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định về khởi kiện và thụ lý vụ án của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: các bên phát sinh tranh chấp từ việc nguyên đơn ông Y cho bị đơn bà H vay tiền theo Hợp đồng vay tiền ngày 18 tháng 8 năm 2023 (bút lục 03). Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Y khởi kiện. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3] Về thẩm quyền: tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản là một loại tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp I, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Các vấn đề khác về tố tụng:

[4.1] Bị đơn bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H1 vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4.2] Tại Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2025 (bút lục 37) và tại phiên tòa, ông Y rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 4.008.000 đồng và toàn bộ tiền lãi. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Y là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu ông Y đã rút.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Y yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán cho ông Y số tiền nợ gốc là 795.992.000 đồng:

[5.1] Theo các hợp đồng vay tiền do ông Y cung cấp thể hiện:

(1) Giấy mượn tiền ngày 18 tháng 12 năm 2020 (bút lục 42): có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lăn tay của vợ chồng ông Y, bà H1 và bà H; số tiền bà H vay của ông Y và bà H1 là 200.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng (từ ngày 18 tháng 12 năm 2020 đến ngày 18 tháng 6 năm 2021); không ghi nhận lãi suất.

(2) Hợp đồng vay tiền ngày 18 tháng 11 năm 2021 (bút lục 43): có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lăn tay của ông Y và bà H; số tiền bà H vay của ông Y là 350.000.000 đồng (200.000.000 đồng + vay thêm 150.000.000 đồng); thời hạn vay 06 tháng, kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2021 đến ngày 18 tháng 5 năm 2022 (bà H có thể trả trước thời hạn); không ghi nhận lãi suất.

(3) Biên nhận ngày 18 tháng 01 năm 2022 (mặt sau của Hợp đồng vay tiền ngày 18 tháng 11 năm 2021) (bút lục 43): có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lăn tay của ông Y và bà H; số tiền bà H vay của ông Y là 500.000.000 đồng (350.000.000 đồng + vay thêm 150.000.000 đồng); không ghi nhận thời hạn vay và lãi suất.

(4) Hợp đồng vay tiền ngày 18 tháng 8 năm 2023: có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lăn tay của bên cho vay là ông Y và bên vay là bà H; tổng số tiền bà H vay của ông Y là 800.000.000 đồng (500.000.000 đồng + vay thêm 300.000.000 đồng); thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2023 (bà H có thể trả trước thời hạn); không ghi nhận lãi suất.

Ông Y khai, lần vay tiền thứ 01 để bà H mua đất; lần vay tiền thứ 02 có ghi nhận trong hợp đồng là để xây dựng nhà ở; lần vay tiền thứ 03 ông Y không nhớ rõ bà H vay để làm gì; lần vay tiền thứ 04 có ghi nhận trong hợp đồng là để xây dựng nhà ở.

Bị đơn bà H chỉ thừa nhận tổng số tiền gốc còn nợ ông Y và bà H1 là 670.000.000 đồng, gồm: vay của ông Y 03 lần là 200.000.000 đồng, 300.000.000 đồng và 100.000.000 đồng vào tháng 10 năm 2022; 30.000.000 đồng của chị L chuyển qua tháng 8 năm 2023; vay của bà H1 40.000.000 đồng (Phản hồi thông báo ngày 11 tháng 11 năm 2025, bút lục 59). Ngoài lời khai này do bà H gửi đến Tòa án qua đường bưu điện thì trong suốt quá trình tố tụng, dù Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H thông qua thủ tục niêm yết công khai theo Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà H không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Mặc nhiên, bà H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử xác định việc

vay tiền giữa các bên là có thật, phù hợp với Điều 385 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5.2] Theo các hợp đồng vay tiền nêu trên đều không ghi nhận lãi suất vay. Tuy nhiên, ông Y thừa nhận ông và bà H có thỏa thuận miệng lãi suất của mỗi lần vay, lần 01 là 2%/tháng, lần 02, 03 và 04 là 2,5%/tháng. Bà H thì khai lần vay 01 và 02 lãi suất 2,5%/tháng; lần 03 lãi suất 10%/tháng; vay của bà H1 40.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/ngày/triệu.

Theo Hợp đồng vay tiền ngày 18 tháng 8 năm 2023 thể hiện tổng số tiền bà H vay của ông Y 04 lần là 800.000.000 đồng, có ghi nhận thời gian trả nợ. Ông Y và bà H thừa nhận có thỏa thuận miệng về lãi, dù mức lãi suất các bên khai không thống nhất nhưng có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi. Khi đến hạn thanh toán, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên ông Y khởi kiện bà H là hoàn toàn có cơ sở. Việc bà H chỉ thừa nhận nợ ông Y và bà H1 670.000.000 đồng nhưng bà H không có chứng cứ chứng minh; mặt khác bà H1 không yêu cầu độc lập gì trong vụ án. Vì vậy, lời khai của bà H là không có cơ sở xem xét.

[5.3] Tại phiên tòa, ông Y xác định số tiền lãi ông Y nhận vượt quá quy định là 4.008.000 đồng, ông Y đồng ý trừ vào tiền nợ gốc nên bà H còn nợ ông Y là 795.992.000 đồng. Vì vậy, bà H có trách nhiệm trả cho ông Y số tiền nợ gốc 795.992.000 đồng.

Bà H khai đã trả lãi cho ông Y là 262.570.000 đồng từ thời điểm vay đến tháng 8 năm 2023; đối với khoản vay bà H1 40.000.000 đồng, bà H đã trả lãi 38.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

[6] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y, buộc bà H phải trả cho ông Y số tiền nợ gốc là 795.992.000 đồng.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[8] Về án phí:

Ông Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 385, Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn Y đối với bà Đinh Thị H đối với số tiền nợ gốc 4.008.000 đồng (bốn triệu không trăm lẻ tám nghìn đồng) và toàn bộ tiền lãi.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn Y đối với bà Đinh Thị H về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc bà Đinh Thị H phải trả cho ông Phùng Văn Y số tiền nợ gốc là 795.992.000 đồng (bảy trăm chín mươi lăm triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí

Ông Phùng Văn Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 22.600.000 đồng (hai mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng số 0007602 ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Bà Đinh Thị H phải chịu 35.839.680 đồng (ba mươi lăm triệu tám trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Kim Xuyến